

DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC
CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 6 NĂM HỌC 2018-2019

Mã số đăng ký	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	trung bình các môn	Điểm tốt nghiệp	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác
Q6H18_244	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	20/06/1992	Nữ	GV Âm nhạc	Cao đẳng	Sư Phạm Âm Nhạc	2015	6.58	6.58	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_227	Tô Thị Hồng Liên	25/09/1997	Nữ	GV Âm nhạc	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	2018	6.79	6.79	A	A	
Q6H18_019	Nguyễn Minh Trang	10/06/1985	Nam	GV Âm nhạc	Trung cấp	Sư phạm Âm Nhạc	2010	6.5	7	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_010	Vương Ngọc Phương Như	03/12/1993	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.14	7.14	A2(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	
Q6H18_198	Nguyễn Trung Hiếu	19/10/1986	Nam	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	6.64	6.64	B	B	
Q6H18_169	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/12/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.26	7.26	A2(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	
Q6H18_089	A Thị Thủy Trâm	19/02/1991	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2016	6.97	6.97	B	A	
Q6H18_140	Bach Thụy Quỳnh Trâm	12/03/1988	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.54	6.54	B	B	
Q6H18_151	Khiếu Nguyễn Tuệ Vy	15/12/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	7.35	7.35	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_068	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/11/1989	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	6.37	6.37	B	A	
Q6H18_161	Nguyễn Thị Mỹ Linh	23/11/1992	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2014	7.3	7.3	B	A	
Q6H18_088	Dương Xuân Phương	11/04/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.48	7.48	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_199	Đào Thị Ngọc Liên	13/09/1985	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	6.32	6.32	B	B	
Q6H18_078	Trần Thị Xuân Chi	17/3/1985	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2016	7.8	7.8	B	B	
Q6H18_260	Nguyễn Hoàng Thảo Ngân	06/09/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2017	7.22	7.22	B	A	
Q6H18_220	Nguyễn Thị Vinh Hoa	11/03/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2017	7.22	7.22	B	B	
Q6H18_203	Phạm Thị Thủy Diễm	13/03/1987	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2010	6.75	6.75	B	A	
Q6H18_098	Lê Trúc Ngân	22/02/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.69	7.69	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_106	Nguyễn Thùy Linh	10/08/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.28	7.28	A2(Khung Châu Âu)	B	
Q6H18_076	Hoàng Nguyễn Thái Hòa	03/05/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.89	6.89	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_196	Võ Trần Ngọc Xuyên	24/10/1993	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Tại chức	2017	6.56	6.56	B	B	
Q6H18_256	Dương Khánh Minh Thư	04/09/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	6.68	6.68	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_212	Đinh Thị Ánh	10/09/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	8.05	8.05	B	A	
Q6H18_044	Trần Lê Ngọc Trang	16/08/1992	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2015	7.25	7.25	B	A	
Q6H18_002	Phan Minh Nhật	04/10/1996	Nam	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	8.17	8.17	B	A	
Q6H18_062	Đoàn Thị Quỳnh Trân	21/10/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2018	7.4	7.5	B	ƯDCNTT	
Q6H18_179	Hoàng Thị Yến Nhi	21/05/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.81	7.81	B	ƯDCNTT	
Q6H18_200	Lâm Thị Cẩm Loan	16/04/1994	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2016	8.65	8.65	B	B	
Q6H18_009	Nguyễn Cao Ngọc Thi	16/12/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.20	7.20	B	A	
Q6H18_214	Huỳnh Lê Như Phúc	10/09/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.61	7.61	B1(Khung Châu Âu)	B	
Q6H18_232	Vương Hoàng Tuấn	05/05/1982	Nam	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.68	6.68	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_032	Trần Huệ Nguyên	14/08/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.95	6.95	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_177	Đinh Thị Hồng Linh	12/12/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	6.15	6.15	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_024	Đoàn Thị Thanh Thủy	06/04/1983	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2015	6.60	6.60	B	B	
Q6H18_046	Đoàn Thị Thanh Vân	31/05/1990	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm tiểu học	2018	7.6	7.6	B	B	
Q6H18_137	Đoàn Phương Thanh Thủy	17/09/1990	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.43	6.43	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_143	Lê Thị Hoàng Yến	20/7/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2016	7.0	7.1	B	B	
Q6H18_190	Vũ Thị Thoa	01/07/1985	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Sư phạm giáo dục Tiểu	2010	8.04	8.04	A2(Khung Châu Âu)	ƯCNTTCB	
Q6H18_085	Nguyễn Ngọc Oanh	20/09/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	7.76	7.76	Toeic 635	ƯDCNTTCB	
Q6H18_049	Nguyễn Thị Thu Anh	10/02/1985	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2015	6.95	6.95	B	A	
Q6H18_182	Nguyễn Thị Vân Anh	17/08/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	7.21	7.21	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_240	Giang Ngọc Yến	04/11/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	6.95	6.95	B	A	
Q6H18_248	Đỗ Mộng Sơn Tuyền	16/04/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	7.68	7.68	B1(Khung Châu Âu)	A	
Q6H18_013	Lê Anh Thư	19/04/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	8.24	8.24	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_130	Lê Hoàng Phúc	02/11/1997	Nam	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	7.26	7.26	A2(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	

Mã số đăng ký	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	trung bình các môn	Điểm tốt nghiệp	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác
Q6H18_138	Đỗ Thị Ái Như	04/04/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.37	7.37	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_157	Nguyễn Phước Uyên	16/02/1994	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2016	8.95	8.95	B2(Khung Châu Âu)	B	
Q6H18_188	Lê Thị Tiến	20/12/1983	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2017	7.34	7.34	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_145	Ngô Hoàng Thanh Thu	30/06/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	7.97	7.97	A2(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	
Q6H18_239	Tiền Kim Ngân	16/08/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.08	7.08	B	A	
Q6H18_127	Hà Châu Hương Quỳnh	05/04/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.83	6.83	B	B	
Q6H18_021	Ngô Hồng Phi Yên	18/01/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	7.94	7.94	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_222	Lê Nguyễn Tường Vy	26/08/1990	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2017	6.9	6.8	A	A	
Q6H18_026	Lê Thị Kim Ngân	04/03/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2018	7.4	7.4	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_015	Liêu Thị Hồng Thanh	21/03/1987	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2017	7.3	7.3	B	B	
Q6H18_045	Đoàn Thị Quỳnh Châu	21/10/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2018	7.5	7.5	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_099	Nguyễn Lê Phương Trúc	07/06/1997	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	2018	6.4	6.4	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_115	Đặng Thị Mỹ Chi	01/04/1994	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2016	7.4	7.4	B	B	
Q6H18_102	Trần Thị Kim Huệ	26/03/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	7.52	7.52	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_107	Lại Thị Hường	21/06/1994	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2016	7.33	7.33	B	A	
Q6H18_234	Nguyễn Thị Diệu Hiền	09/10/1996	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.46	7.46	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_187	Dương Mộng Liễu	15/07/1982	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	6.31	6.31	B2(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	
Q6H18_109	Lê Nguyễn Thủy Duyên	14/05/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	7.06	7.06	B	A	
Q6H18_025	Lê Thị Thúy Ngân	29/04/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	7.11	7.11	B	B	
Q6H18_235	Võ Ngọc Xuân	06/06/1995	Nữ	GV Dạy nhiều môn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	7.34	7.34	B1(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	
Q6H18_218	Vương Hoàng Đăng Khoa	02/12/1995	Nam	GV Mỹ thuật	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ Thuật	2018	7.01	7.01	Toeic	ƯDCNTTCB	
Q6H18_249	Trần Thị Hà	18/09/1980	Nữ	GV Phổ cập GD	Đại học	Tiếng Anh Sư phạm	2002	6.0	6.3	B(Tiếng Pháp)		
Q6H18_245	Chu Thị Ngọc Hà	30/8/1975	Nữ	GV Phổ cập GD	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2008	6.45	6.45	A	A	
Q6H18_016	Ngô Thị Lệ	15/10/1968	Nữ	GV Phổ cập GD	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2010	5.92	5.92	A2(Khung Châu Âu)	ƯDCNTTCB	
Q6H18_250	Đậu Thị Hạnh	24/08/1978	Nữ	GV Phổ cập GD	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2013	6.49	7.00	B	B	
Q6H18_173	Phan Nhật Phương	22/06/1987	Nam	GV Thể dục	Đại học	Giáo dục thể chất	2013	6.90	6.90	B	B	NVSP
Q6H18_205	Huỳnh Văn Vinh	20/02/1995	Nam	GV Thể dục	Đại học	Giáo dục thể chất	2018	7.25	7.25	B	B	
Q6H18_087	Phan Thị Hằng	28/11/1996	Nữ	GV Thể dục	Đại học	Giáo dục thể chất	2018	8.37	8.35	B	B	
Q6H18_259	Nguyễn Văn Phúc	25/10/1984	Nam	GV Thể dục	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2008	8.06	8.06	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_251	Lường Thị Hiền	12/10/1985	Nữ	GV Thể dục	Đại học	Giáo dục thể chất-GD Q	2008	7.51	7.51	B	B	
Q6H18_254	Chung Thị Ngọc Xuân	12/09/1993	Nữ	GV Tiếng Anh	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	2014	6.08	6.08	B(Tiếng Pháp)	A	
Q6H18_073	Đặng Hải Đăng	14/01/1978	Nam	GV Tổng phụ trách	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2014	8	8	B	B	BD TPT Đội
Q6H18_166	Nguyễn Hồng Hưng	12/09/1986	Nam	GV Tổng phụ trách	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2018	6.25	6.25	B	A	
Q6H18_195	Phạm Trung Hải	09/06/1992	Nam	GV Tổng phụ trách	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	2018	6.6	6.6	B	A	Đào tạo chức danh TPT Đội trường học.
Q6H18_167	Trần Minh Xuân	12/04/1979	Nam	GV Tổng phụ trách	Đại học	Giáo dục Tiểu học	2017	6.41	6.41	B	A	
Q6H18_110	Ông Tấn Phát	20/11/1982	Nam	NV Công nghệ thông tin	Trung cấp	Tin học ứng dụng	2017	7.2	7	B		
Q6H18_052	Đặng Thu Hiền	27/11/1971	Nữ	NV Thủ quỹ	Trung cấp	Hạch toán kế toán	1995	6.59	8.2	B	A	
Q6H18_011	Lý Hồng Bảo Ngọc	05/07/1984	Nữ	NV Thủ quỹ	Trung cấp	Kế toán-Tin học	2006	5.67	5.67	B	B	
Q6H18_197	Nguyễn Trần Hồng Nghi	14/10/1992	Nữ	NV Thủ quỹ	Cao đẳng	Tài chính - Ngân hàng	2013	6.14	6.14	B	A	Chứng chỉ Kế toán - Kiểm toán
Q6H18_082	La Thị Duận	20/09/1981	Nữ	NV Thư viện	Trung cấp	Tin học	2004	6.0	6.4	B		NV Thông tin-Thư viện
Q6H18_165	Trần Ngọc Nhi	06/06/1997	Nữ	NV Thư viện	Trung cấp	Thư viện - Thiết bị trường	2018	7	7.0	B	ƯDCNTTCB	
Q6H18_126	Nguyễn Thị Bích Yến	16/08/1991	Nữ	NV Thư viện	Cao đẳng	Thư viện thông tin	2013	7.38	7.38	A	A	
Q6H18_121	Cao Nguyễn Thiện Kiều	30/10/1994	Nữ	NV Thư viện	Đại học	Quản lý Giáo dục	2016	6.97	6.97	B	A	Nghịệp vụ Thông tin thư viện
Q6H18_213	Phan Thị Thủy Vân	19/11/1973	Nữ	NV Thư viện	Trung cấp	Thư viện - Thông tin	2018	8.5	8.5	B	A	
Q6H18_023	Phạm Thị Hồng Linh	22/04/1985	Nữ	NV Thư viện	Đại học	Địa Lý Du Lịch	2009	7.36	7.36	B	ƯDCNTTCB	Nghịệp vụ Thư viện trường học

Mã số đăng ký	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	trung bình các môn	Điểm tốt nghiệp	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác
Q6H18_041	Phạm Thị Thùy Dương	5/10/1991	Nữ	NV Văn thư	Trung cấp	Văn thư-Lưu trữ	2018	7.5	7.5	B	A	
Q6H18_051	Nguyễn Thị Tâm Phúc	24/12/1977	Nữ	NV Văn thư	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn	2012	6.46	6.46	B	KTV trung cấp	
Q6H18_128	Bạch Trà Giang	18/05/1977	Nữ	NV Văn thư	Trung cấp	Giáo viên Mầm non	2000	7.7	7.7	B	A	Bồi dưỡng Văn thư-Lưu trữ